

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 319/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 11 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực ngành Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC);

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-BCT ngày 02/7/2025 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 03/TTr-SCT ngày 08 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 110 Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực của ngành Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

(Chi tiết tại Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Thiết lập biểu mẫu điện tử tương tác và thực hiện tích hợp, kiểm thử để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các TTHC được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

- Triển khai vận hành, cung cấp Dịch vụ công vụ công trực tuyến toàn trình đối với các TTHC được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo quy định.

2. Sở Công Thương

- Có trách nhiệm công khai Danh sách thủ tục hành chính lĩnh vực ngành Công Thương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các thủ tục hành chính theo danh mục được công bố tại Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh

Cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác danh mục thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định; đăng tải công khai Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành; Thay thế Danh mục các thủ tục hành chính tương ứng lĩnh vực công thương đã được Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ công bố còn hiệu lực trước ngày 01/7/2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Huy Ngọc

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số: 317/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
Lĩnh vực xuất nhập khẩu (15 TTHC)		
1	1.001419	Cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế
2	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)
3	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất
4	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác
5	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập
6	1.000890	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu
7	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh
8	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt
9	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng
10	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất
11	1.000477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa kinh doanh theo quy định pháp luật
12	1.000264	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản
13	1.001238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu
14	1.001104	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu
15	1.000400	Cấp chứng thư xuất khẩu

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
Lĩnh vực Thương mại điện tử (05 TTHC)		
16	2.000243	Thông báo Website thương mại điện tử bán hàng
17	1.000758	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo Website thương mại điện tử bán hàng
18	1.000880	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử
19	1.003390	Thông báo ứng dụng Thương mại điện tử bán hàng
20	1.002968	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng bán hàng
Lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động (02 TTHC)		
21	2.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương
22	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương
Lĩnh vực Điện lực (08 TTHC)		
23	1.013406	Cấp lại Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)
24	1.013407	Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương
25	1.013408	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương
26	1.013410	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng
27	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)
28	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh
29	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
30	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng (06 TTHC)		
31	1.001335	Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá
32	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá
33	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại
34	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá
35	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá
36	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu
Lĩnh vực hóa chất (08 TTHC)		
37	1.003820	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1
38	1.003775	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1
39	2.001585	Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1
40	1.003724	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3
41	2.001722	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3
42	1.004031	Cấp Điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3
43	2.000431	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1
44	2.000257	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3
Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp (01 TTHC)		
45	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
Lĩnh vực xúc tiến thương mại (08 TTHC)		
46	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại ở nước ngoài
47	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại nước ngoài
48	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
49	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
50	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại
51	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại
52	2.000131	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại Việt Nam
53	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (01 TTHC)		
54	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương
Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp (06 TTHC)		
55	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
56	2.000631	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
57	2.000619	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
58	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp
59	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp
60	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp
Lĩnh vực An toàn thực phẩm (04 TTHC)		
61	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
62	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện
63	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/ Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện
64	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/ Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (29 TTHC)		
65	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá
66	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá
67	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá
68	1.003977	Cấp Giấy phép phân phối rượu
69	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối Rượu
70	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu.
71	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
72	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
73	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
74	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
75	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
76	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
77	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
78	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
79	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
80	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
81	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
82	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
83	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
84	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
85	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
86	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
87	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
88	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
89	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
90	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
91	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu
92	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu
93	2.001240	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu
Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (16 TTHC)		
94	1.001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm
95	2.000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm
96	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm
97	1.000878	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định
98	2.000401	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định
99	2.000251	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định
100	1.001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
101	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận
102	2.000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận
103	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định
104	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định
105	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định
106	1.013990	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp
107	2.000046	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng
108	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại
109	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại
Lĩnh vực Thương mại Quốc tế (01 TTHC)		
110	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam